

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 7-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện

Ông Nguyễn Thành Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh An-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65A/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số 38A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc S, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn anh Trần Quốc S tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo tập quán của địa phương và có thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật năm 2017. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân

là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị M xin ly hôn với anh Trần Quốc S.

Về con chung: Có 01 người con chung Trần Thị Gia H(giới tính nữ), sinh ngày 18/11/2018 hiện nay cháu đang sinh sống với chị M, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Trần Quốc S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn khai không có.

Bị đơn anh Trần Quốc S được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt do đó không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung: giao cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự, theo nguyên đơn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không yêu thương quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chứng minh quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, phía bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình còn mong muốn đoàn tụ hay không, chứng tỏ bị đơn cũng không tha thiết hàn gắn quan hệ hôn nhân; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Trong thời gian chị M và anh S sống ly thân thì cháu H sống trực tiếp với chị M. Để tạo môi trường sống ổn định cho cháu nên cần thiết giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng; Đối với yêu cầu của chị M yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Căn cứ Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con vì vậy yêu cầu của chị M là phù hợp và cần thiết để nuôi dưỡng con chung. Do đó, anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn khai không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M được ly hôn với bị đơn anh Trần Quốc S.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Trần Thị Gia H (giới tính nữ), sinh ngày 18/11/2018 và anh Trần Quốc S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng (bảy trăm, năm mươi nghìn đồng) đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Danh quyền trông nom, chăm sóc con chung cho anh Trần Quốc S, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên không xem xét

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008554 ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

Bị đơn anh Trần Quốc S phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- UBND xã Phương Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu